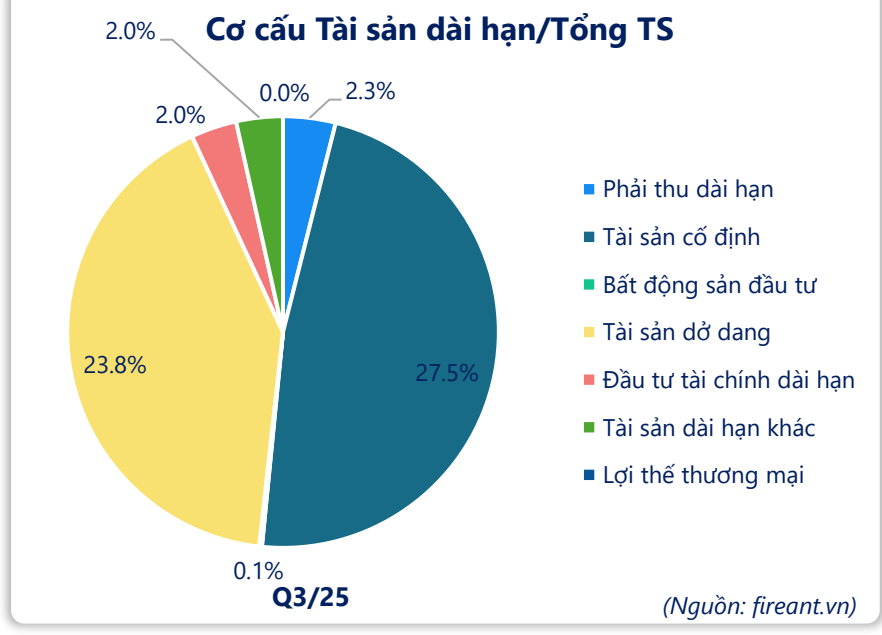
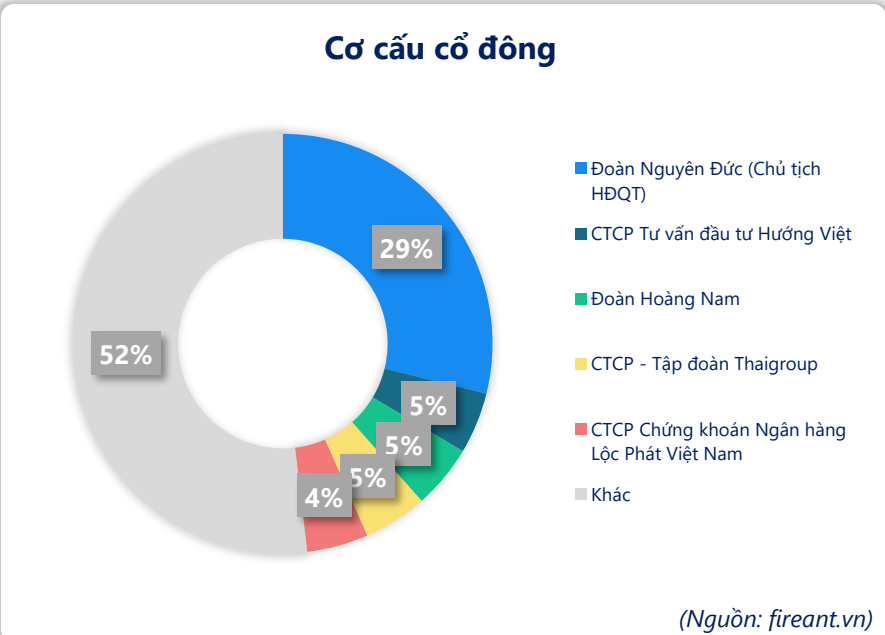
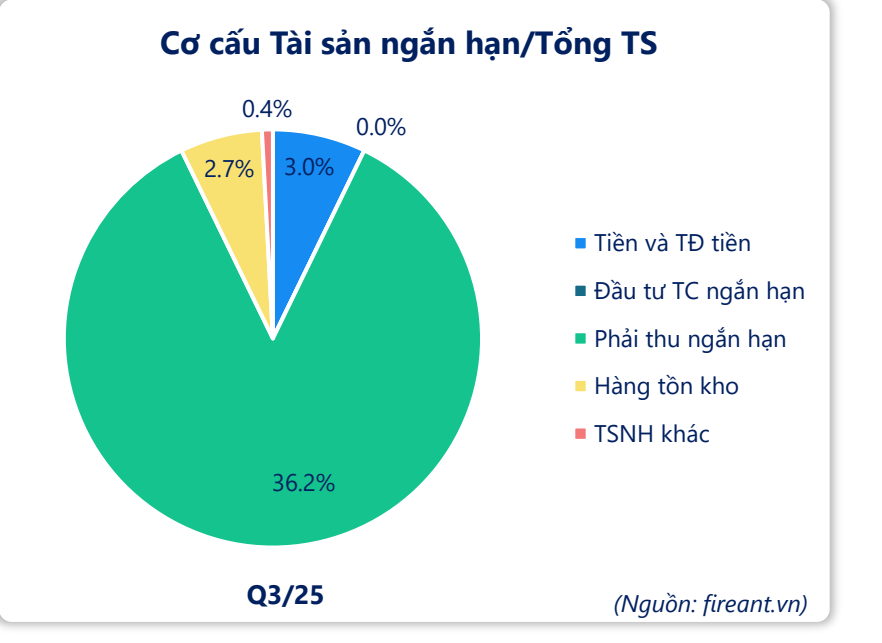
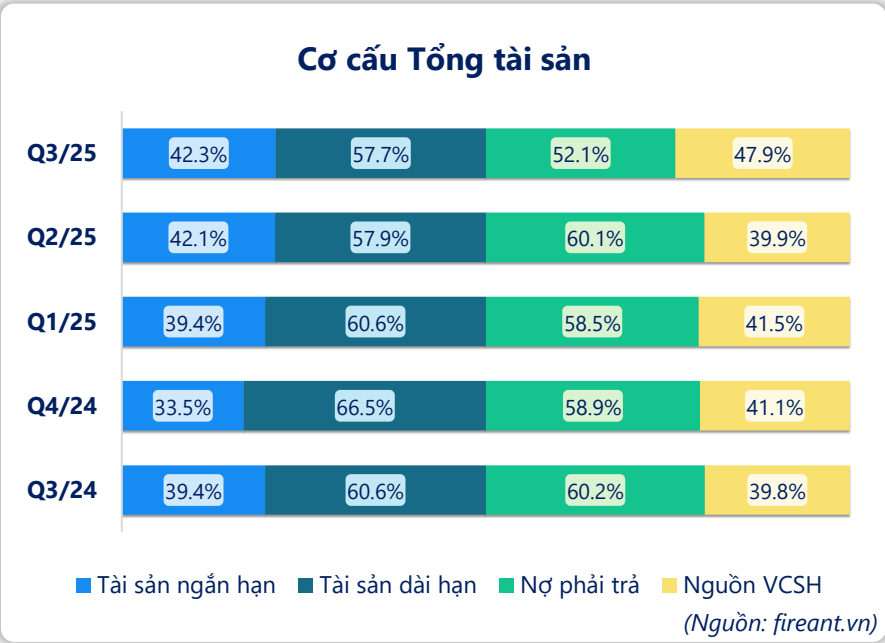
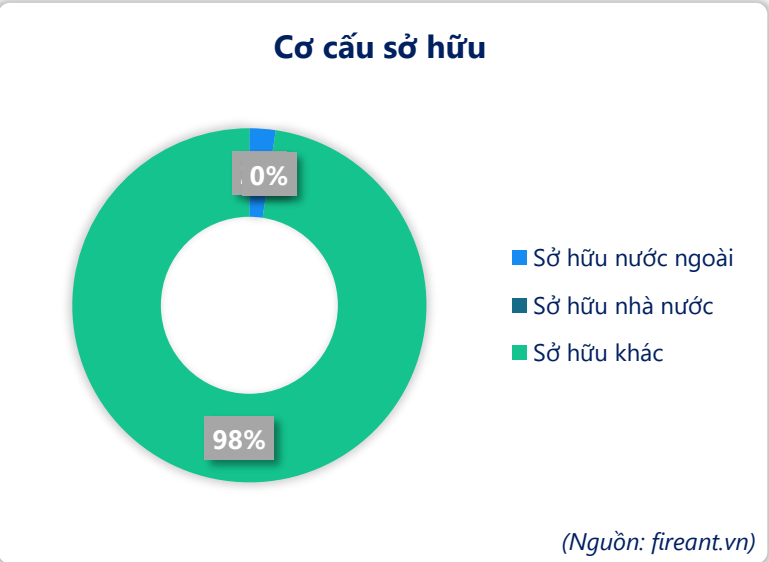
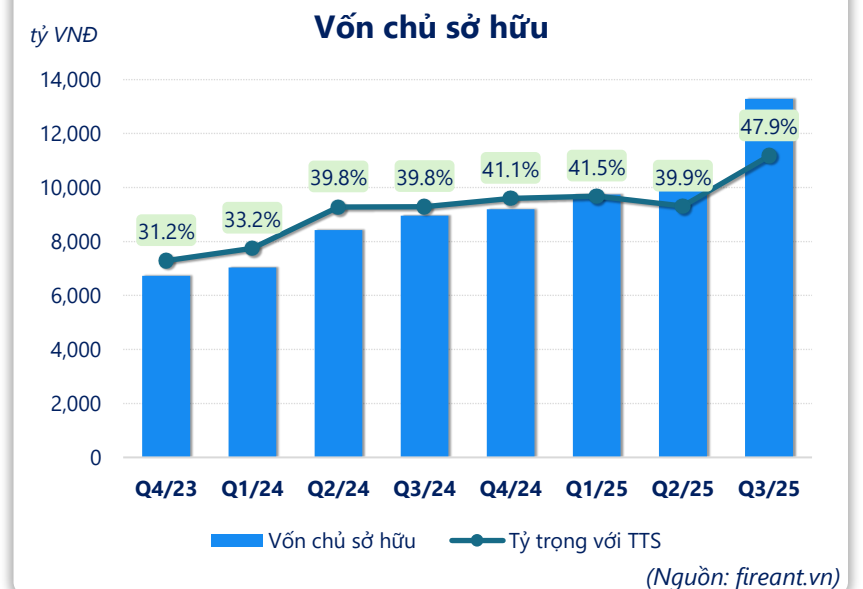
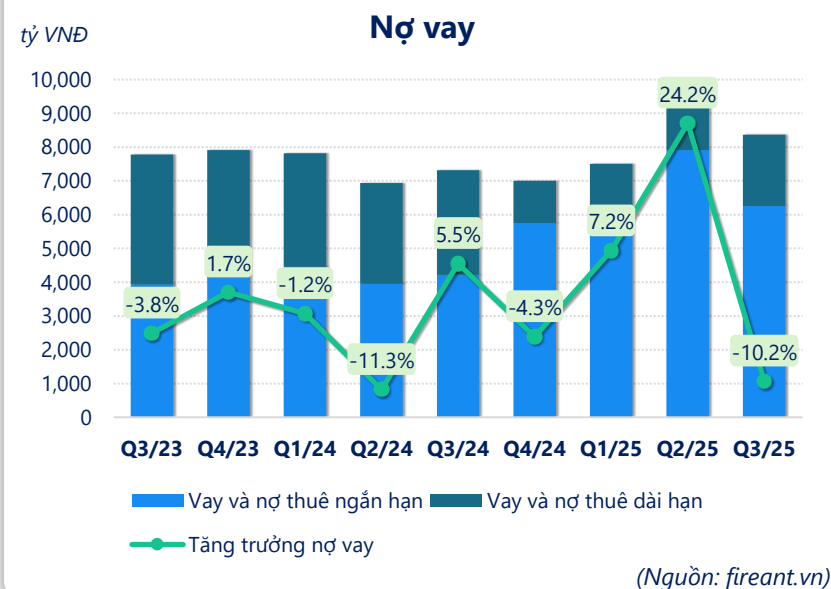
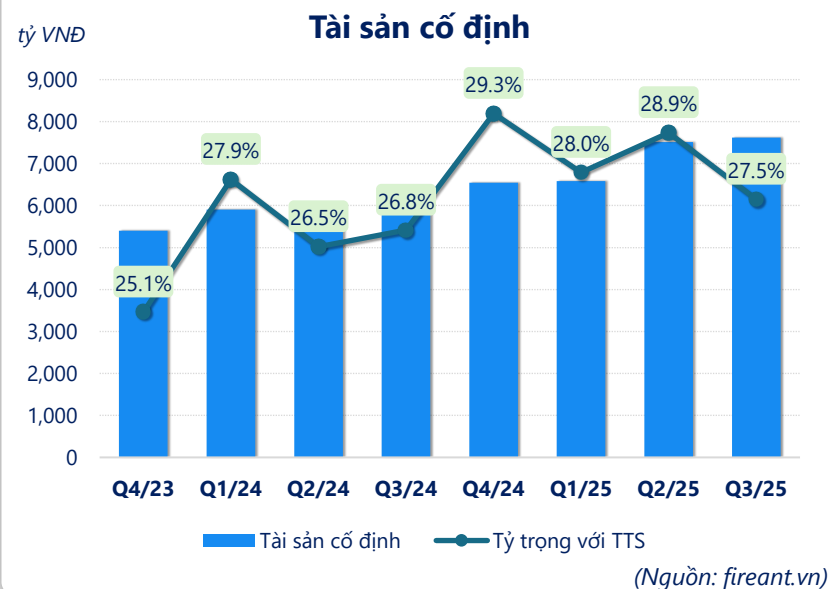
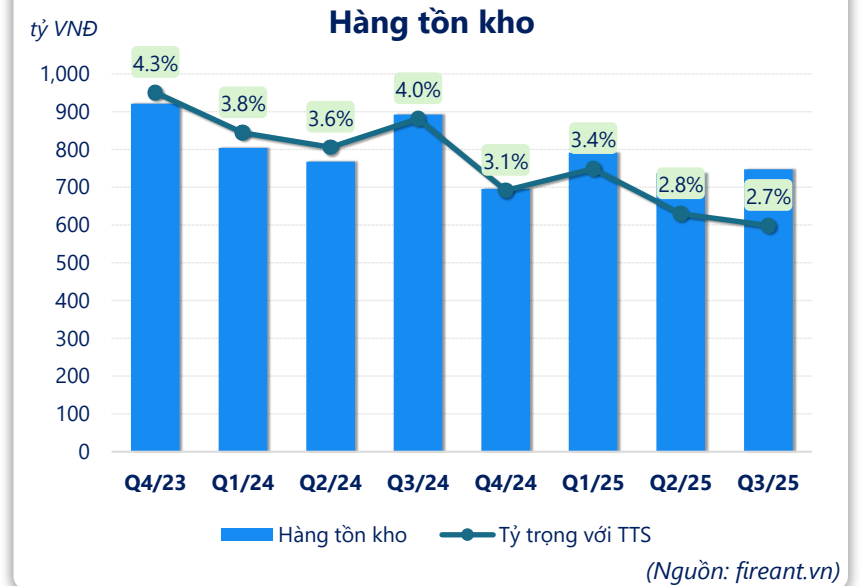
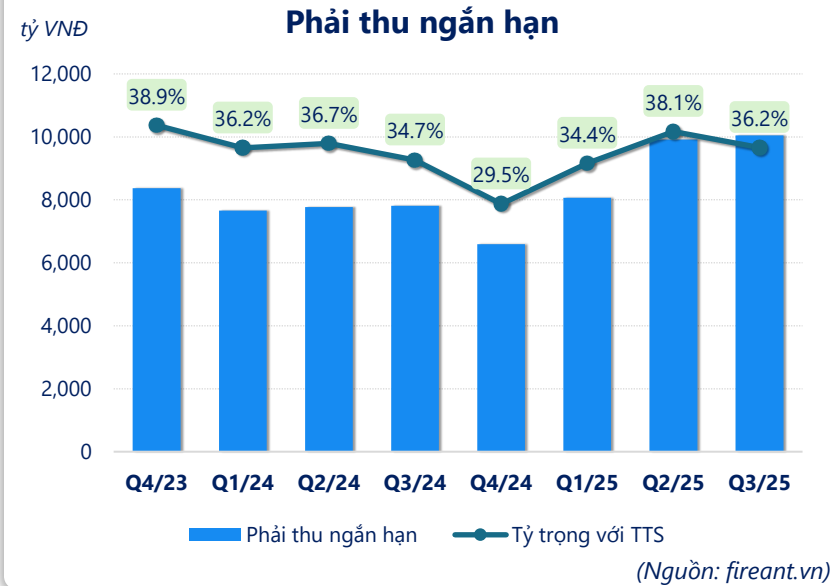
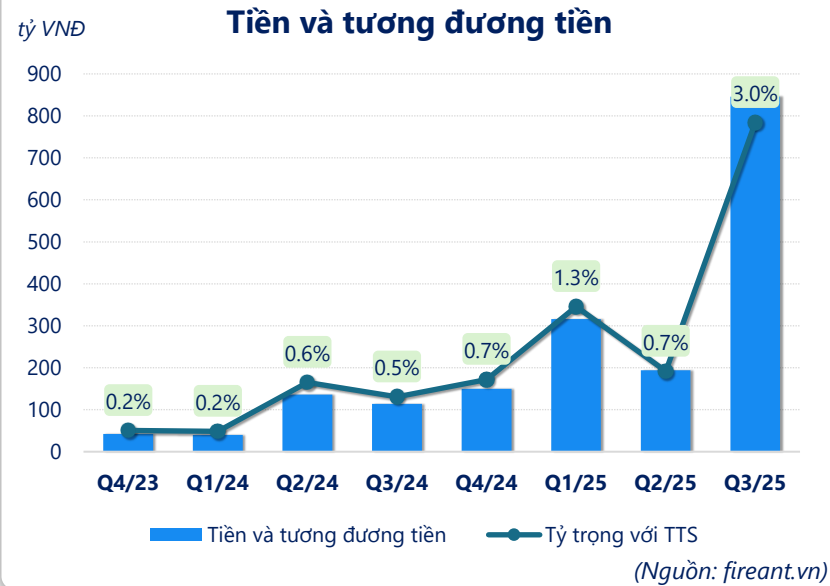
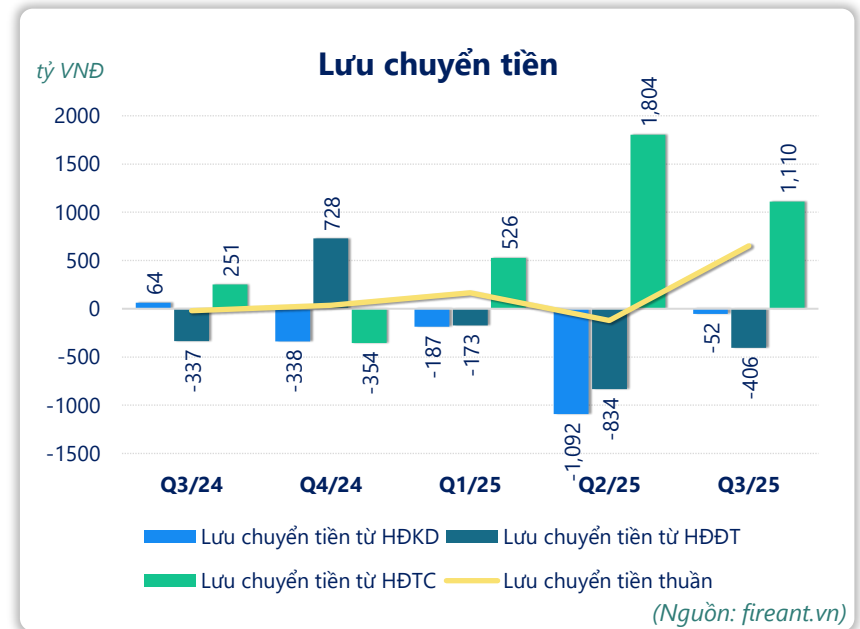
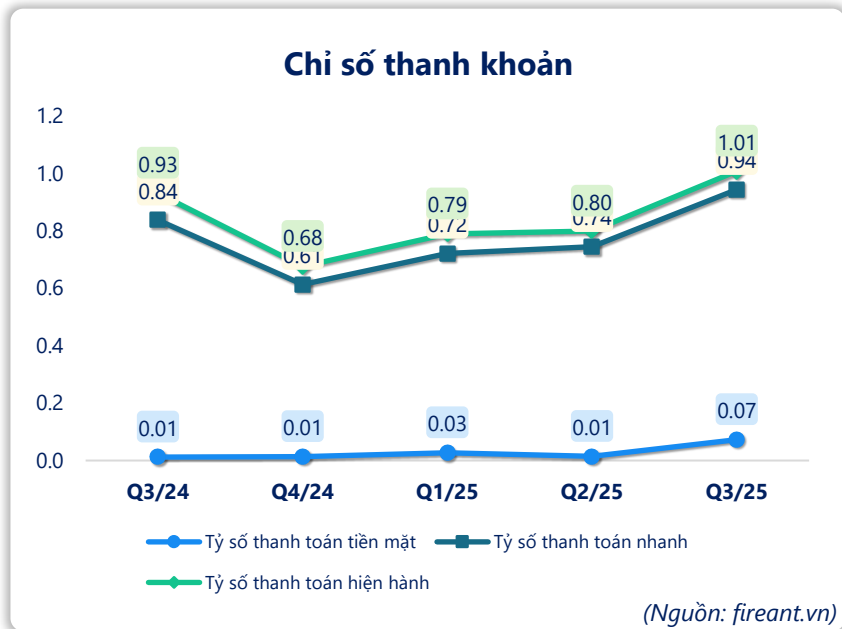
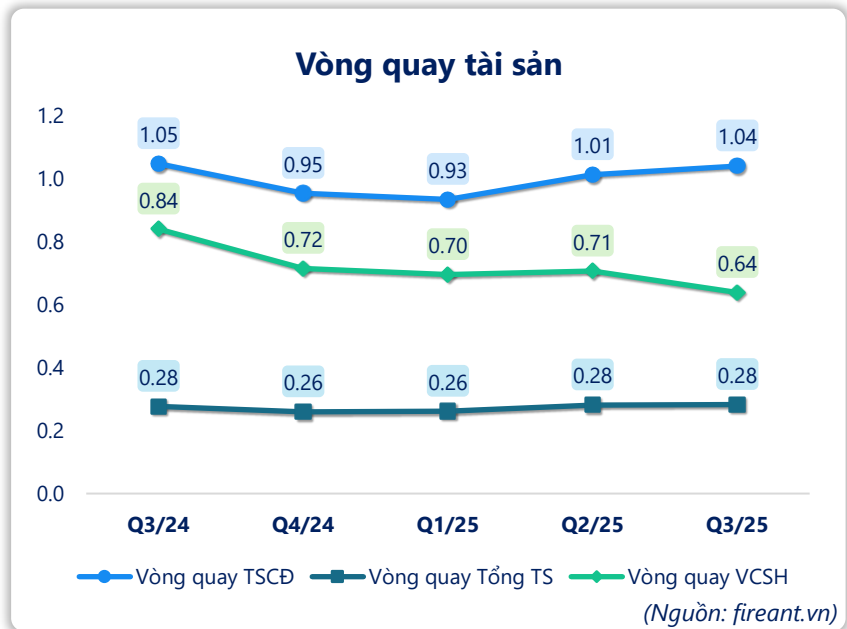
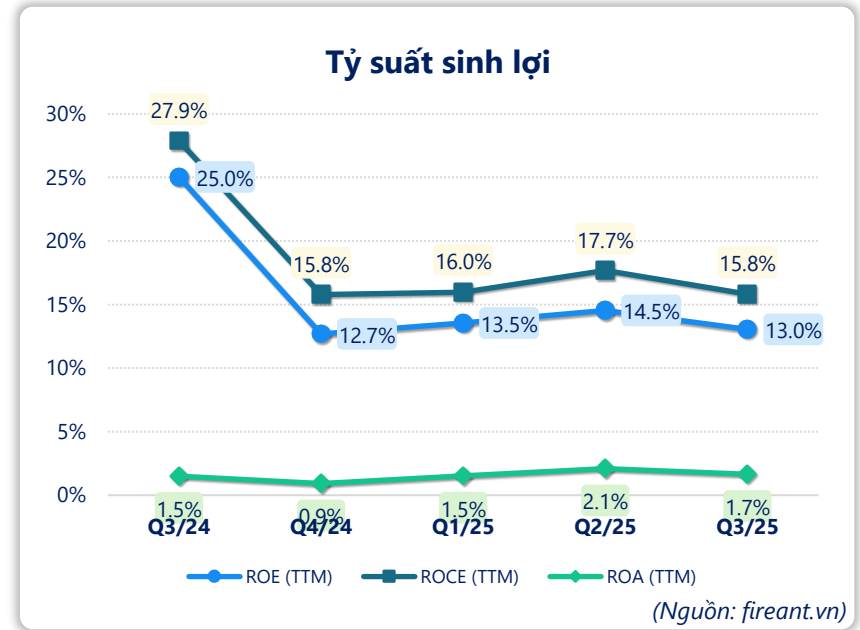
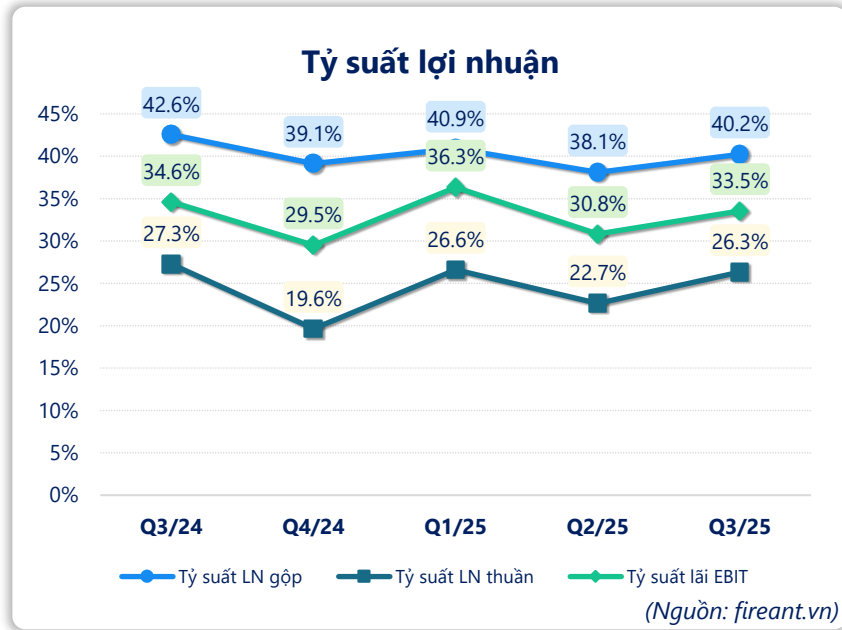
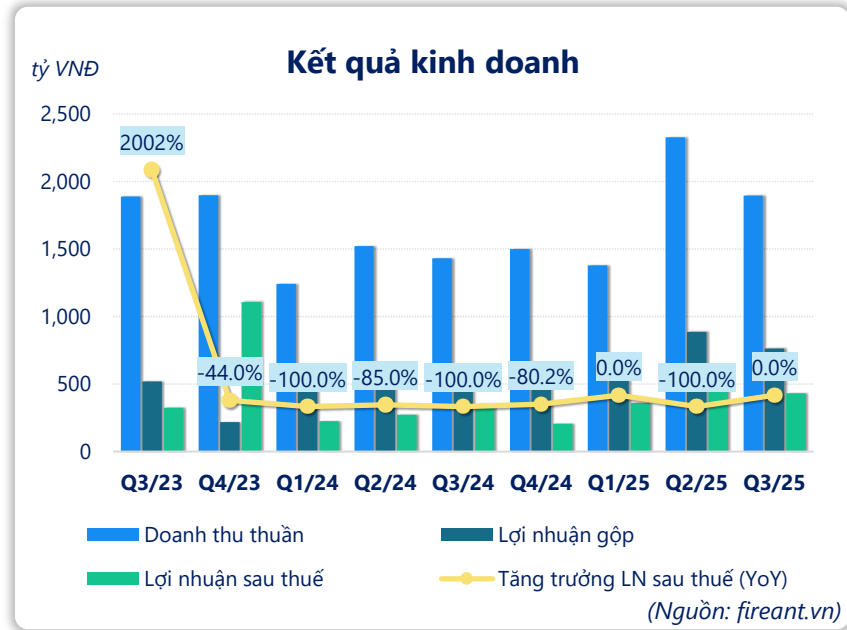


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,810
SL cổ phiếu LH		1,267,399,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,912,245
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		20,659
P/E		14.2
EPS		1,145

	YTD	1T	3T	6T
HAG	32.5%	-0.6%	23.5%	32.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	27,744	22,281	24.5%
Tài sản ngắn hạn	11,744	8,435	39.2%
Tiền và tương đương tiền	846	150	465%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10,051	7,537	33.4%
Hàng tồn kho	747	694	7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	99.1	54.2	82.7%
Tài sản dài hạn	16,000	13,845	15.6%
Phải thu dài hạn	630	1,293	-51.3%
Tài sản cố định	7,620	6,567	16.0%
Bất động sản đầu tư	32.9	34.3	-4.1%
Tài sản dở dang	6,611	5,022	31.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	548	557	-1.6%
Tài sản dài hạn khác	559	371	50.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,460	12,955	11.6%
Nợ ngắn hạn	11,659	11,123	4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,257	5,748	8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,146	987	16.0%
Nợ dài hạn	2,800	1,832	52.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,115	1,217	73.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,284	9,326	42.4%
Vốn chủ sở hữu	13,284	9,326	42.4%
Vốn điều lệ	12,675	10,575	19.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,432	1,500	1,380	2,327	1,895
Giá vốn hàng bán	822	913	815	1,441	1,133
Lợi nhuận gộp	609	587	564	887	762
Doanh thu HĐTC	50.4	67.5	58.1	77.6	78.9
Chi phí TC	165	195	109	286	199
Chi phí lãi vay	144	260	143	217	204
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	69.6	125	110	108	108
Chi phí QLDN	34.5	40.0	36.5	42.9	35.8
LN thuần từ HĐKD	390	295	367	527	499
Lợi nhuận khác	-39.4	-112	-8.76	-26.7	-67.2
LN trước thuế	351	183	359	500	432
Lợi nhuận sau thuế	351	205	360	519	432
LNST của CĐ cty mẹ	332	201	341	493	416

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.6	-338	-187	-1,092	-52.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-337	728	-173	-834	-406
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	251	-354	526	1,804	1,110
Tiền đầu kỳ	136	114	150	316	194
Lưu chuyển tiền thuần	-22.1	35.7	166	-122	652
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	114	150	316	194	846

(Nguồn: fireant.vn)